

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mức thu chi phí đào tạo đối với các hệ Đại học và  
Sau đại học năm 2022-2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y -DƯỢC

- Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHĐHTN ngày 19/11/2020 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên
- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ – CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ vào quyết định số 08/HĐTTĐHYD ngày 10/08/2020 của Hội đồng Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;
- Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/8/2021 về việc “Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập”;
- Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023
- Căn cứ văn bản số 694/BGDĐT-KHTC của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ngày 23/2/2023 về việc triển khai thực hiện nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTTĐHYD ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt mức thu học phí năm học 2022-2023
- Căn cứ vào thỏa thuận giữa Trường Đại học Y -Dược, Đại học Thái nguyên với các cơ sở phối hợp đào tạo về việc đào tạo nguồn nhân lực y tế”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Kế toán trưởng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu chi phí đào tạo các hệ đào tạo Đại học và sau Đại học năm học 2022-2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2022-2023.



*[Handwritten signature]*

**Điều 3.** Quyết định này thay thế cho quyết định số 1685/QĐ-ĐHYD ngày 25/8/2022.

Trường hợp đã thu học phí năm 2022-2023 cao hơn mức thu học phí năm học 2021-2022 Nhà trường thực hiện như sau:

- Hoàn trả lại học phí đối với người học đã đóng học phí toàn khóa học.
- Giảm trừ vào kỳ thu học phí tiếp theo đối với người học còn lại.

**Điều 4.** Các phòng chức năng, các đơn vị liên quan, người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./. #2

*Nơi nhận*

- Như điều 4;
- Lưu: VT, KHTC



**HIỆU TRƯỞNG**

*Handwritten signature in blue ink*  
**PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng**

## QUY ĐỊNH

### VỀ MỨC THU CHI PHÍ ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ NĂM HỌC 2022-2023

Kèm theo QĐ số 402/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Trường ĐHY - Dược Thái Nguyên

DVT: đồng/Sinh viên, học viên/ 1 tháng

STT	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	MỨC THU HỌC PHÍ	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>Trình độ Đại học</b>		
<b>1</b>	<b>Khối ngành Y dược</b>		
	Y khoa	1.430.000	
	Răng hàm mặt	1.430.000	
	Y học dự phòng	1.430.000	
	Dược học	1.430.000	
<b>2</b>	<b>Khối ngành sức khỏe</b>		
	Điều dưỡng	1.430.000	
	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	1.430.000	
	Hộ sinh	1.430.000	
<b>B</b>	<b>Đại học liên thông</b>		
<b>1</b>	<b>Khối ngành Y dược</b>		
	Y khoa	1.430.000	
	Răng hàm mặt	1.430.000	
	Dược học	1.430.000	
<b>2</b>	<b>Khối ngành sức khỏe</b>		
	Điều dưỡng VLVH	2.145.000	
	Kỹ thuật xét nghiệm Y học VLVH	2.145.000	
<b>C</b>	<b>Học Văn hóa</b>	980.000	
<b>D</b>	<b>Đào tạo Sau đại học</b>		
<b>I</b>	<b>Thạc sĩ, Chuyên khoa cấp I và Bác sĩ nội trú</b>		
<b>1</b>	<b>Khối ngành Y Dược</b>		
	Ung thư	2.145.000	
	Sản phụ khoa	2.145.000	
	Nhi khoa	2.145.000	
	Nội khoa	2.145.000	
	Ngoại khoa	2.145.000	
	Chẩn đoán hình ảnh	2.145.000	
	Tai mũi họng	2.145.000	
	Tâm thần	2.145.000	
	Lao	2.145.000	



*Handwritten signature in blue ink.*



STT	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	MỨC THU HỌC PHÍ	GHI CHÚ
	Dược lý - Dược Lâm sàng	2.145.000	
	Răng Hàm Mặt	2.145.000	
	Y học cổ truyền	2.145.000	
	Da liễu	2.145.000	
	Gây mê hồi sức	2.145.000	
	Nhãn khoa	2.145.000	
	Phục hồi chức năng	2.145.000	
	Y học dự phòng	2.145.000	
<b>2</b>	<b>Khối ngành sức khỏe</b>		
	Xét nghiệm Y học	2.145.000	
	Y học gia đình	2.145.000	
	Y tế công cộng	2.145.000	
	Điều dưỡng	2.145.000	
<b>II</b>	<b>Tiến sĩ, chuyên khoa cấp II</b>		
<b>1</b>	<b>Khối ngành Y Dược</b>		
	Tai mũi họng	3.575.000	
	Nhi khoa	3.575.000	
	Nội khoa	3.575.000	
	Sản phụ khoa	3.575.000	
	Da liễu	3.575.000	
	Ngoại khoa	3.575.000	
<b>2</b>	<b>Khối ngành sức khỏe</b>		
	Y tế công cộng	3.575.000	
<b>E</b>	<b>Đào tạo theo nhu cầu</b>	<b>Mức thu căn cứ theo thỏa thuận</b>	